

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/DS- ST

Ngày: 27 – 6 - 2022

“V/v Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Trà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Minh Sơn

Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng Vân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại điểm cầu T tâm Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số: 66/2023/TLST-DS ngày 16/3/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Khánh V, sinh năm 1988

Địa chỉ: số 199C, khu vực Y, phường L, quận C, thành phố C.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Vũ Phong, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C.

2. Bà Trương Thùy T, sinh năm 1996

Địa chỉ: số 397D/5, đường N, phường A, quận N, thành phố C.

- Bị đơn: Ông Phạm Thành T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã L, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên

đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày và có yêu cầu như sau:

Vào ngày 11/12/2020, thông qua người quen giới thiệu, bà Trần Khánh V có cho ông Phạm Thành T vay số tiền 150.000.000 đồng hai bên có lập hợp đồng vay tiền tại văn phòng công chứng T, thành phố C, theo hợp đồng thỏa thuận thời gian vay là 01 tháng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận vào từng thời điểm theo quy định của ngân hàng Nhà nước. Việc giao nhận tiền được thực hiện tại văn phòng công chứng T. Hai bên có thỏa thuận miệng với nhau hàng tháng ông T trả tiền lãi cho bà V là 1,67%/tháng.

Tuy nhiên, từ khi nhận tiền đến nay ông T không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà V. Bà V đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông T luôn tìm cách né tránh và không có thái độ hợp tác. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của mình nên bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Thành T có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Khánh V số tiền số tiền **150.000.000đ** tiền gốc và tiền lãi trên nợ gốc 1,67%/tháng tính từ ngày 11/12/2020 đến ngày 11/01/2021, lãi suất 1,67%/tháng = **2.505.000đ** và tiền lãi chậm trả từ ngày 12/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 2,5%/tháng, tạm tính khi khởi kiện là **86.250.000đ**.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Vũ P đại diện bà Trần Khánh V thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi suất theo quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự, yêu cầu ông Phạm Thành T thanh toán tiền lãi cho bà Trần Khánh V từ ngày 11/12/2020 đến ngày 11/01/2021 với mức $0,83\% \times 01 \text{ tháng} = 1.245.000đ$ và tiền lãi chậm trả với mức 1,25%/tháng tính từ ngày 12/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/6/2023 là 29 tháng 15 ngày = **55.312.500đ**. Tổng cộng số tiền bà Trần Khánh V yêu cầu ông Phạm Thành T thanh toán là **206.557.500đ**.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Phạm Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét thấy vụ việc tranh chấp phát sinh từ hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn Trần Khánh V và bị đơn Phạm Thành T, quan hệ pháp luật điều chỉnh theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự về “Hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn bà Trần Khánh V yêu cầu bị đơn Phạm Thành T thanh toán số tiền vay 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay tiền được xác lập vào ngày 11/12/2020 tại văn phòng công chứng T, thành phố C. Theo hợp đồng vay thể hiện, thời hạn vay là 01 tháng. Tuy nhiên phía nguyên đơn cho rằng kể từ sau khi nhận tiền vay thì bị đơn không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận, không thanh toán tiền nợ gốc và lãi đúng hạn, đồng thời cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt tất cả các lần triệu tập của Tòa án dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bản sao hồ sơ khởi kiện bằng hình thức niêm yết theo quy định của pháp luật cho phía bị đơn biết do thời điểm tổng đạt bị đơn không có mặt tại địa phương. Qua xác minh tại được với bị đơn chính quyền địa phương nơi cư trú của bị đơn cung cấp, bị đơn Phạm Thành T tuy thường vắng mặt tại nhà nhưng vẫn đang cư trú tại ấp K, xã L, thành phố Trà Vinh và thường ở nhà vào buổi tối. Như vậy chứng tỏ bị đơn biết được việc bị khởi kiện và nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi, xem như bị đơn mặc nhiên thừa nhận nội dung khởi kiện từ phía nguyên đơn. Vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn yêu cầu thanh toán tiền vay 150.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu tính lãi, xét thấy tại phiên tòa phía nguyên đơn thay đổi mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và mức lãi suất chậm trả theo khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự, tổng số tiền từ ngày 11/12/2020 đến ngày 11/01/2021 với mức $0,83\% \times 01 \text{ tháng} = 1.245.000đ$ và từ ngày 12/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/6/2023 là 29 tháng 15 ngày với mức lãi suất $1,25\% = 55.312.500đ$ là có căn cứ.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bị đơn có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 92; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Khánh V.

Buộc bị đơn ông Phạm Thành T phải trả cho bà Trần Khánh V số tiền gốc là 150.000.000 đồng và 56.557.500 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 206.557.500 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Phạm Thành T phải chịu 10.327.875 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Trần Khánh V số tiền 6.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0015351 ngày 16/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo tổng hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Trà Giang

